

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2025.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

2. Bà Mai Thị Bỉ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Xuân Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 149/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thành Đ, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Ấp A + C, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng có ý kiến như sau: Bà và ông Lê Thành Đ xác lập quan hệ hôn nhân ngày 19/9/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là UBND xã T), huyện T, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 15/12/2014. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ : Không có.

Bị đơn ông Lê Thành Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Ngọc D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Thành Đ; hiện ông Đ đang sinh sống tại huyện T, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, hôn nhân giữa bà D và ông Đ có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã T), huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/9/2014, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đ nhưng ông Đ không có ý kiến gì. Điều này chứng minh ông Đ không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà D có cơ sở chấp nhận.

[5] Nuôi con chung: Bà D và ông Đ có con chung tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 15/12/2014. Sau khi ly hôn, bà D có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại bản tự khai cháu N có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, Hội

đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của N theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 15/12/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Bà D yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân, giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà D nuôi con, ông Đ phải cấp dưỡng. Bà D yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng/con là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng.

[7] Chia tài sản: Bà D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[9] Án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc D về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Lê Thành Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc D được ly hôn với ông Lê Thành Đ.

2 Nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 15/12/2014 cho bà Đặng Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Thành Đ

phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng), hàng tháng cấp dưỡng vào ngày 11, bắt đầu ngày 11/3/2025 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Đặng Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009685 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

3.2 Ông Lê Thành Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND xã Tân Bình**
- Lưu hồ sơ, AV.

Nguyễn Thị Kim Thoa